

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VÀ VẬN TẢI CẦN THƠ**  
**26 Lê Hồng Phong, Thành phố Cần Thơ**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

<b>MỤC LỤC</b>	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b>	01 - 02
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	03 - 04
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b> Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
- BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 23

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy và vận tải Cần Thơ trình bày báo cáo tài chính hàng năm của mình cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### Tư cách pháp nhân

Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy và vận tải Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là một Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1800277651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ cấp lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25 tháng 11 năm 2008.

Trụ sở chính Công ty đặt tại 26 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ.

### Danh sách Công ty con

Công ty có 1 Công ty con là Công ty TNHH một thành viên tàu khách và du lịch Vinashin, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800739810 do sở kế hoạch và đầu tư TP Cần Thơ cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008, đăng ký thay đổi và cấp lại lần 1 ngày 20 tháng 8 năm 2009. Tỷ lệ sở hữu : 100%.

Ngày 05/10/2011, Công ty TNHH một thành viên tàu khách và du lịch Vinashin được giải thể theo quyết định 13/QĐ/HĐQT do kinh doanh không có lãi. Tất cả các số dư trên bảng cân đối kê toán được chuyển về Công ty

### Vốn

Vốn điều lệ: 47.329.850.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	109 Quán Thánh, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	29.743,16	62,84%
2	Công ty TNHH MTV CN tàu thủy Sông Hậu	Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	11.095,24	23,44%
3	Nguyễn Thanh Tùng (đại diện nhóm cổ đông)	60/11 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	6.491,50	13,72%

### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty: Đóng tàu, sửa chữa các loại tàu biển

### Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800277651 thay đổi lần 2 ngày 25 tháng 11 năm 2008 gồm:

- Đóng tàu biển, tàu sông, thiết bị, phương tiện nổi, gia công cơ khí
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường sông và đường biển
- Dịch vụ bốc xếp, giao nhận hàng hóa, cho thuê cầu cảng, kho bãi
- Sản xuất, cung ứng kết cấu kim loại, phi kim loại phục vụ công nghiệp tàu thủy
- Dịch vụ du lịch
- Xuất khẩu tàu biển, tàu sông các loại

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VÀ VẬN TẢI CẦN THƠ

26 Lê Hồng Phong, Thành phố Cần Thơ

---

- Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành công nghiệp tàu thủy
- Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn giám sát thi công đóng tàu
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng
- Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển
- Đại lý môi giới vận tải thủy bộ
- Phá dỡ tàu cũ ./.

### **Kết quả hoạt động kinh doanh**

Trong năm 2011 hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ. Chi tiết được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

### **Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty và Ban kiểm soát**

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Lê Hồng Quang	Chủ tịch
Ông Mạc Văn Cương	Ủy viên
Ông Trần Quốc Hiệp	Ủy viên
Ông Phạm Duy Linh	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên

#### **Ban Điều hành Công ty**

Thành viên của Ban Điều hành Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Mạc Văn Cương	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Minh Sơn	Phó Tổng giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Thanh Tâm	Trưởng ban
Ông Đồng Việt Quốc	Ủy viên
Ông Huỳnh Trung Trực	Ủy viên

### **Phê chuẩn báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán đã được Ban Điều hành Công ty phê chuẩn.

### **Tổ chức kiểm toán**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỘC LẬP (IAC) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy và vận tải Cần Thơ.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty đối với báo cáo tài chính**

Chúng tôi chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính đính kèm với nội dung của các báo cáo này đã được soạn thảo đúng đắn và phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào thời điểm trên. Các báo cáo tài chính của Công ty được soạn lập theo quy ước giá gốc, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Tổng giám đốc

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CTY CP CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VÀ VẬN TẢI CẦN THƠ**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VÀ VẬN TẢI CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 của CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VÀ VẬN TẢI CẦN THƠ (sau đây gọi là “Công ty”) gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (đính kèm từ trang 05 đến trang 23).

#### **Trách nhiệm của Ban Điều hành và các Kiểm toán viên**

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành công ty. Trách nhiệm của các Kiểm toán viên là dựa vào thực tế kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập về báo cáo tài chính đã nêu trên.

#### **Cơ sở đưa ra ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có thể thu thập tất cả các thông tin và giải trình mà chúng tôi xét thấy cần thiết nhằm có được đầy đủ chứng cứ đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính này không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### *Hạn chế của cuộc kiểm toán:*

Tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận liên quan tới khoản mục phải thu, phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2011. Các thủ tục thay thế cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của các khoản mục nêu trên, do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về các ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này tới báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.

Ngày 05/10/2011 Công ty nhận bàn giao tàu Cashin 01 từ Công ty TNHH MTV tàu khách và du lịch Vinashin Cần Thơ với nguyên giá : 19.800.560.163 đồng, hao mòn : 4.430.278.036 đồng, giá trị còn lại : 15.370.282.127 đồng, và một số chi phí trả trước chủ yếu liên quan đến tàu Cashin với giá trị như sau : chi phí trả trước ngắn hạn là : 306.554.891 đồng, chi phí trả trước dài hạn là : 899.276.290 đồng. Theo nghị quyết 03/NQ.HĐQT ngày 22/03/2012, Công ty đã tạm ngưng trích khấu hao tài sản trên cũng như ngừng phân bổ chi phí trả trước có liên quan từ ngày nhận bàn giao cho đến khi tài sản này được thanh lý.

Công ty thực hiện điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Một Thành Viên Sông Hậu - một công ty độc lập trong Tập đoàn Vinashin - tại thời điểm lập biên bản bàn giao ngày 15/06/2010 với giá trị điều chuyển là: 86.162.044.130 đồng, nhưng đến ngày 31/12/2011 Công ty vẫn chưa thực hiện xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho giá trị bàn giao tàu 6.800 DWT này do còn đang chờ quyết định cuối cùng của Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Vinashin để chuyển nguồn vốn đầu tư.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề đã nêu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VÀ VẬN TẢI CẦN THƠ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chế độ kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và những quy định pháp lý có liên quan.

Như đã nêu trong thuyết minh số VII.3 của phần "Thuyết minh báo cáo tài chính". Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục. Đến thời điểm ngày 31/12/2011 số lỗ lũy kế của Công ty đã lên tới : 57.501.630.137 đồng, vượt quá số vốn thực góp : 8.764.400.136 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty là tùy thuộc vào quá trình tái cơ cấu của Tập đoàn Vinashin có diễn biến thuận lợi hay không, do hầu hết các nguồn vốn đầu tư và doanh thu của Công ty đều tập trung vào sự phân bổ tài chính từ Tập đoàn Vinashin.

Ngoài ra chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc về công văn số 151/CNT - TCKT của Tập Đoàn Công Nghiệp Tàu Thủy Việt Nam ngày 18 tháng 01 năm 2011. Theo đó, kể từ năm 2010 Công ty sẽ ngừng trích khấu hao đối với giá trị thương hiệu. Giá trị thương hiệu này đã được ghi nhận tăng vốn góp chủ sở hữu tại thời điểm bàn giao vốn cổ phần hóa với giá trị : 14.198.960.000 đồng

KIỂM TOÁN VIÊN ĐIỀU HÀNH

**CTY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỘC LẬP**  
TỔNG GIÁM ĐỐC

---

**Trần Văn Đức - CPA**  
Chứng chỉ KTV số: Đ.0127/KTV

---

**Mai Thanh Hiếu - CPA**  
Chứng chỉ KTV số: Đ.0129/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>128.195.067.029</b>	<b>126.991.290.803</b>
<b>Tiền &amp; các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>666.431.467</b>	<b>1.043.246.513</b>
Tiền	111	V.01	666.431.467	1.043.246.513
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	100.000.000	100.000.000
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>116.698.963.938</b>	<b>115.452.343.367</b>
Phải thu của khách hàng	131		4.854.703.853	9.243.152.982
Trả trước cho người bán	132		5.931.388.140	6.493.603.122
Các khoản phải thu khác	135	V.03	105.912.871.945	99.715.587.263
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.872.976.429</b>	<b>8.136.771.259</b>
Hàng tồn kho	141	V.04	7.872.976.429	8.136.771.259
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.856.695.195</b>	<b>2.258.929.664</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	323.978.058	353.431.532
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.06	45.524.826	36.707.311
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.06	46.972.801	46.327.268
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	2.440.219.510	1.822.463.553
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>186.355.745.959</b>	<b>183.536.217.142</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>184.835.814.418</b>	<b>181.127.500.975</b>
TSCĐ hữu hình	221	V.08	77.384.471.280	93.212.996.164
Nguyên giá	222	V.08	117.717.221.974	133.384.082.883
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	V.08	(40.332.750.694)	(40.171.086.719)
TSCĐ vô hình	227	V.09	13.134.038.311	12.424.090.519
Nguyên giá	228	V.09	14.198.960.000	14.198.960.000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	V.09	(1.064.921.689)	(1.774.869.481)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	94.317.304.827	<b>75.490.414.292</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	100.000.000	100.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.419.931.541</b>	<b>2.308.716.167</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.419.931.541	2.308.716.167
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>314.550.812.988</b>	<b>310.527.507.945</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>323.315.213.124</b>	<b>296.348.136.411</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>151.141.021.579</b>	<b>131.045.497.770</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	44.078.944.000	48.633.850.000
Phải trả cho người bán	312		19.849.171.669	24.014.973.200
Người mua trả tiền trước	313		8.272.103.657	10.352.819.424
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	7.022.805.924	3.799.625.995
Phải trả công nhân viên	315		3.824.180.125	1.981.184.411
Phải trả nội bộ	317	V.15	357.823.319	357.823.319
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.16	67.735.992.885	41.905.221.421
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>172.174.191.545</b>	<b>165.302.638.641</b>
Phải trả dài hạn khác	333	V.17	570.000.000	713.500.548
Vay và nợ dài hạn	334	V.18	171.604.191.545	163.996.624.417
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	592.513.676
<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(8.764.400.136)</b>	<b>14.179.371.534</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>(8.764.400.136)</b>	<b>14.179.371.534</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		39.421.454.307	44.969.074.307
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(57.501.630.137)	(40.105.478.467)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		9.315.775.694	9.315.775.694
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>314.550.812.988</b>	<b>310.527.507.945</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngoại tệ các loại (USD)			-	-

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2012

**VÕ THÀNH THO**  
Kế toán trưởng

**KS. MẠC VĂN CƯƠNG**  
Tổng giám đốc



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.01	<b>38.899.763.993</b>	<b>70.340.613.624</b>
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.02	60.629.318	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	VI.03	<b>38.839.134.675</b>	<b>70.340.613.624</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	41.555.804.082	89.280.551.921
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp</b>	<b>20</b>		<b>(2.716.669.407)</b>	<b>(18.939.938.297)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	350.577.453	264.028.271
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	7.938.823.308	6.406.818.381
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	VI.06	7.924.807.212	6.373.935.057
8. Chi phí bán hàng	24		922.336.437	2.161.749.056
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.856.149.608	9.314.544.794
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>[30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]</b>	<b>30</b>		<b>(17.083.401.307)</b>	<b>(36.559.022.257)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.07	7.931.802.638	587.833.070
12. Chi phí khác	32	VI.08	8.782.768.805	3.366.616.720
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(850.966.167)</b>	<b>(2.778.783.650)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40 )</b>	<b>50</b>		<b>(17.934.367.474)</b>	<b>(39.337.805.907)</b>
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	-
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <b>(60 = 50 - 51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(17.934.367.474)</b>	<b>(39.337.805.907)</b>

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2012

VÕ THÀNH THO  
Kế toán trưởng

KS. MẠC VĂN CƯƠNG  
Tổng giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

( Theo phương pháp trực tiếp )  
NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	49.973.097.188	84.592.382.350
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(16.680.268.665)	(41.862.733.995)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.641.719.992)	(12.231.374.143)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.027.781.874)	(5.869.602.764)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	(64.070.191)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.566.835.854	4.898.900.388
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.833.094.811)	(26.299.963.714)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>	<b>6.357.067.700</b>	<b>3.163.537.931</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(37.495.139)	(37.498.980)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	401.316.872	83.390.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(242.000.000)	(1.168.400.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.051.521	23.473.111
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>137.873.254</b>	<b>(1.099.034.959)</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	44.862.494.000	76.213.407.054
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(51.734.250.000)	(79.306.465.655)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.871.756.000)</b>	<b>(3.093.058.601)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(376.815.046)</b>	<b>(1.028.555.629)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.043.246.513</b>	<b>2.071.802.142</b>
<b>Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>666.431.467</b>	<b>1.043.246.513</b>

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2012

**VÕ THÀNH THO**  
Kế toán trưởng

**KS. MẠC VĂN CƯỜNG**  
Tổng giám đốc

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy và vận tải Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là một Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1800277651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ cấp lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25 tháng 11 năm 2008.

Trụ sở chính Công ty đặt tại 26 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ.

Vốn điều lệ: 47.329.850.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

#### **2. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800277651 thay đổi lần 2 ngày 25 tháng 11 năm 2008 gồm:

- Đóng tàu biển, tàu sông, thiết bị, phương tiện nổi, gia công cơ khí
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường sông và đường biển
- Dịch vụ bốc xếp, giao nhận hàng hóa, cho thuê cầu cảng, kho bãi
- Sản xuất, cung ứng kết cấu kim loại, phi kim loại phục vụ công nghiệp tàu thủy
- Dịch vụ du lịch
- Xuất khẩu tàu biển, tàu sông các loại
- Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành công nghiệp tàu thủy
- Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn giám sát thi công đóng tàu
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng
- Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển
- Đại lý môi giới vận tải thủy bộ
- Phá dỡ tàu cũ ./.

### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng dẫn có liên quan.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (Tiếp theo)**

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

#### **3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Chính sách lập Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty là chỉ thực hiện bù trừ số dư nội bộ trên bảng cân đối kế toán của các đơn vị có liên quan.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

##### **Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

#### a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: *Bình quân gia quyền*

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: *Kê khai thường xuyên*

#### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

#### a. TSCĐ hữu hình

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (Tiếp theo)

#### a. TSCĐ hữu hình (Tiếp theo)

<i>Loại TSCĐ</i>	<i>Năm</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc thiết bị	08-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-15

#### b. TSCĐ vô hình

TSCĐ vô hình là thương hiệu của tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam (thời gian khấu hao 20 năm)

### 6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác

#### Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

#### Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ

Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu, chi phí sửa chữa tài sản phát sinh quá lớn;

### 9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 10. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### b. Doanh thu Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

#### c. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### d. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm;

Công ty chưa thực hiện quyết toán với cơ quan thuế, sau khi quyết toán nếu có sự chênh lệch Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh theo số liệu của cơ quan thuế.

### 15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp- kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	31/12/2010
Tiền mặt tại quỹ	18.102.845	55.739.926
Tiền gửi ngân hàng	648.328.622	987.506.587
<b>Tổng cộng</b>	<b>666.431.467</b>	<b>1.043.246.513</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	31/12/2010
Tiền gửi tại Công ty tài chính CNTT Việt Nam	100.000.000	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

<b>3. Các khoản phải thu khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Công ty CP CNTT và vận tải Cần Thơ	105.912.871.945	99.659.263.774
+ Công ty TNHH MTV CNTT Sông Hậu	105.296.309.798	99.303.067.233
+ Phải thu từ cổ phần hóa	162.026.449	162.026.449
+ Các khoản phải thu khác	454.535.698	194.170.092
Công ty TNHH MTV tàu khách và DL Vinashin CT	-	56.323.489
<b>Tổng cộng</b>	<b>105.912.871.945</b>	<b>99.715.587.263</b>

  

<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	543.169.514	480.782.578
Công cụ, dụng cụ	462.699.424	465.218.024
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.867.107.491	7.190.770.657
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>7.872.976.429</b>	<b>8.136.771.259</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>7.872.976.429</b>	<b>8.136.771.259</b>

  

<b>5. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>
Công ty CP CNTT và vận tải Cần Thơ	71.100.959	611.392.921	358.515.822	323.978.058
Công ty TNHH MTV Tàu khách và Du lịch Vinashin Cần Thơ	282.330.573	24.224.318	306.554.891	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>353.431.532</b>	<b>635.617.239</b>	<b>665.070.713</b>	<b>323.978.058</b>

  

<b>6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	45.524.826	36.707.311
Các khoản khác phải thu Nhà nước	46.972.801	46.327.268
<b>Tổng cộng</b>	<b>92.497.627</b>	<b>83.034.579</b>

  

<b>7. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Tạm ứng	2.440.219.510	1.822.463.553
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.440.219.510</b>	<b>1.822.463.553</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nhà cửa	28.589.314.797			28.589.314.797
Máy móc thiết bị	20.467.491.598			20.467.491.598
Phương tiện vận tải	83.827.225.041		15.628.000.000	68.199.225.041
Thiết bị quản lý	500.051.447	-	38.860.909	461.190.538
<b>Tổng</b>	<b>133.384.082.883</b>	<b>-</b>	<b>15.666.860.909</b>	<b>117.717.221.974</b>

### Khấu hao lũy kế

Nhà cửa	5.248.130.170	1.133.675.777		6.381.805.947
Máy móc thiết bị	9.388.327.996	2.282.607.777		11.670.935.773
Phương tiện vận tải	25.116.385.918	4.503.418.847	7.787.869.054	21.831.935.711
Thiết bị quản lý	418.242.635	48.463.046	18.632.419	448.073.262
<b>Tổng</b>	<b>40.171.086.719</b>	<b>7.968.165.447</b>	<b>7.806.501.473</b>	<b>40.332.750.694</b>

### Giá trị còn lại

Nhà cửa	23.341.184.627			22.207.508.850
Máy móc thiết bị	11.079.163.602			8.796.555.825
Phương tiện vận tải	58.710.839.123			46.367.289.330
Thiết bị quản lý	81.808.812			13.117.276
<b>Tổng</b>	<b>93.212.996.164</b>			<b>77.384.471.280</b>

### 9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Thương hiệu của tập đoàn Vinashin	14.198.960.000	-	-	14.198.960.000
Khác	-			-
<b>Tổng</b>	<b>14.198.960.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.198.960.000</b>

### Khấu hao lũy kế

Thương hiệu của tập đoàn Vinashin	1.774.869.481		709.947.792	1.064.921.689
Khác	-			-
<b>Tổng</b>	<b>1.774.869.481</b>	<b>-</b>	<b>709.947.792</b>	<b>1.064.921.689</b>

### Giá trị còn lại

Thương hiệu của tập đoàn Vinashin	12.424.090.519			13.134.038.311
Khác	-			-
<b>Tổng</b>	<b>12.424.090.519</b>			<b>13.134.038.311</b>

Theo công văn số 151/CNT - TCKT của Tập Đoàn Công Nghiệp Tàu Thủy Việt Nam ngày 18 tháng 01 năm 2011, kể từ năm 2010 Công ty sẽ ngừng trích khấu hao đối với giá trị thương hiệu này.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Ban quản lý các dự án đầu tư		
+ Dự án nâng cấp XN đóng tàu	14.159.945.723	13.391.369.086
+ Dự án tàu khách du lịch 120 ghế	(246.965.755)	(246.965.755)
+ Dự án đóng mới 20 tàu sông	12.636.266.757	10.077.759.664
+ Dự án nâng cao năng lực đóng mới, sửa chữa tàu	45.947.230.071	38.494.990.394
+ Dự án đóng mới tàu hàng 6.800 DWT	(2.757.675)	(2.757.675)
+ Dự án triển tàu 1.000 DWT	24.351.625	24.351.625
+ Chênh lệch tỷ giá chưa phân bổ	21.799.234.081	13.751.666.953
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>94.317.304.827</u></b>	<b><u>75.490.414.292</u></b>

### 11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Công ty cổ phần phát triển tư vấn thiết kế Soài Rạp	100.000.000	100.000.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b><u>100.000.000</u></b>	<b><u>100.000.000</u></b>

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển tư vấn thiết kế Soài Rạp theo quyết định số 313/QĐ-CNT-TCCB-LĐ ngày 19 tháng 2 năm 2008 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam. Số vốn điều lệ cam kết góp là: 1 tỷ đồng (chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần phát triển tư vấn thiết kế Soài Rạp. Tuy nhiên, tới thời điểm 31/12/2011, Công ty mới góp 100 triệu đồng chẵn.

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

<b>Chi phí</b>	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>
Công ty CP CNTT và vận tải Cần Thơ	1.501.640.058	1.453.790.090	1.535.498.608	1.419.931.541
Công ty TNHH MTV Tàu khách và Du lịch Vinashin Cần Thơ	807.076.109	92.200.181	<b>899.276.290</b>	-
<b>Tổng Cộng</b>	<b>2.308.716.167</b>	<b>1.545.990.271</b>	<b>2.434.774.898</b>	<b>1.419.931.541</b>

### 13. Vay ngắn hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>40.584.344.000</b>	<b>44.284.350.000</b>
Công ty CP CNTT và vận tải Cần Thơ	40.584.344.000	43.589.000.000
Công ty TNHH MTV tàu khách và du lịch Vinashin CT	-	695.350.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>3.494.600.000</b>	<b>4.349.500.000</b>
Công ty CP CNTT và vận tải Cần Thơ	3.494.600.000	3.757.500.000
Công ty TNHH MTV tàu khách và du lịch Vinashin CT	-	592.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>44.078.944.000</u></b>	<b><u>48.633.850.000</u></b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Chi tiết số dư vay ngắn hạn	31/12/2011	31/12/2010
<b>Công ty CP CNTT và vận tải Cần Thơ</b>	<b>40.584.344.000</b>	<b>43.589.000.000</b>
+ CN Ngân hàng phát triển khu vực Cần Thơ - Hậu Giang	2.438.494.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Trà Nóc	24.464.850.000	24.543.000.000
+ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	8.200.000.000	8.200.000.000
+ Nguyễn Phong Nhã	100.000.000	100.000.000
+ Phan Thị Khánh	100.000.000	340.000.000
+ Bùi Minh Định	350.000.000	200.000.000
+ Doanh nghiệp TMDV Ngân Hà	925.000.000	3.000.000.000
+ Công ty TNHH XNK Thủy sản Thiên Mã	-	3.000.000.000
+ Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Phan Thị Phương	-	200.000.000
+ Bạch Thị Mai Hoa	450.000.000	450.000.000
+ Phạm Định Thông	500.000.000	500.000.000
+ Trần Hoàng Thọ	56.000.000	56.000.000
<b>Công ty TNHH MTV tàu khách và du lịch Vinashin CT</b>	<b>-</b>	<b>695.350.000</b>
+ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	695.350.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>40.584.344.000</b>	<b>44.284.350.000</b>
<b>Chi tiết số dư nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
<b>Công ty CNTT và vận tải Cần Thơ</b>	<b>3.494.600.000</b>	<b>3.757.500.000</b>
+ CN Ngân hàng phát triển KV Cần Thơ - Hậu Giang	1.494.600.000	1.757.500.000
+ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV tàu khách và du lịch Vinashin CT</b>	<b>-</b>	<b>592.000.000</b>
+ Công ty tài chính Công nghiệp tàu thủy	-	192.000.000
+ Ngân hàng NN và PTNT VN - CN Cần Thơ	-	400.000.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>3.494.600.000</b>	<b>4.349.500.000</b>
<b>14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.306.161.997	2.846.063.057
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-645.533
Thuế thu nhập cá nhân	53.399.501	39.540.124
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.493.978.561	745.402.481
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	169.265.866	169.265.866
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.022.805.924</b>	<b>3.799.625.995</b>
<b>15. Phải trả nội bộ</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Ban quản lý dự án đầu tư - trực thuộc tập đoàn Vinashin	357.823.319	357.823.319
<b>Tổng cộng</b>	<b>357.823.319</b>	<b>357.823.319</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Công ty CP CNTT và vận tải Cần Thơ	67.735.992.885	41.735.080.697
Ban quản lý các dự án Đầu tư		1.969.920
Công ty TNHH MTV tàu khách và du lịch Vinashin CT		168.170.804
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>67.735.992.885</u></b>	<b><u>41.905.221.421</u></b>

### Chi tiết các khoản phải trả khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Công ty CP CNTT và vận tải Cần Thơ	67.735.992.885	41.735.080.697
+ <i>Phí cam kết nhận nợ</i>	10.761.814.101	7.182.134.136
+ <i>Lãi trái phiếu tập đoàn</i>	25.237.715.108	16.746.070.507
+ <i>Trái phiếu quốc tế</i>	20.373.155.598	10.071.594.733
+ <i>Tập đoàn CNTT Việt Nam</i>	135.161.120	689.923.120
+ <i>Trích trước lãi vay tập đoàn CNTT Việt Nam</i>	4.130.995.665	2.860.345.665
+ <i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại Tập đoàn</i>	195.672.204	195.672.204
+ <i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	98.249.368	122.849.326
+ <i>Bảo hiểm xã hội</i>	2.824.586.648	1.612.504.145
+ <i>Kinh phí công đoàn</i>	192.927.297	253.589.939
+ <i>Bảo hiểm y tế</i>	-	325.394.278
+ <i>Bảo hiểm xã hội (chậm nộp)</i>	153.731.453	73.895.701
+ <i>Số dư có TK1388</i>	120.487.158	22.967.735
+ <i>Phải trả khác</i>	3.511.497.165	1.578.139.208
Ban quản lý các dự án đầu tư	-	1.969.920
+ <i>Kinh phí công đoàn</i>		1.969.920
Công ty TNHH MTV tàu khách và du lịch Vinashin CT	-	168.170.804
+ <i>Phải trả khác</i>		168.170.804
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>67.735.992.885</u></b>	<b><u>41.905.221.421</u></b>

### 17. Phải trả dài hạn khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	570.000.000	713.500.548
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>570.000.000</u></b>	<b><u>713.500.548</u></b>

### 18. Các khoản vay dài hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Công ty CP CNTT và vận tải Cần Thơ	169.587.191.545	161.979.624.417
Công ty TNHH MTV tàu khách và du lịch Cần Thơ	2.017.000.000	2.017.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>171.604.191.545</u></b>	<b><u>163.996.624.417</u></b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

<i>Chi tiết số dư vay dài hạn tại các đơn vị</i>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Công ty CP CNTT và vận tải Cần Thơ	169.587.191.545	161.979.624.417
+ Công ty tài chính công nghiệp tàu thủy	157.639.827.545	149.592.260.417
+ CN ngân hàng phát triển khu vực Cần Thơ - Hậu Giang	11.627.364.000	11.627.364.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Trà Nóc	320.000.000	760.000.000
+ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	2.017.000.000	2.017.000.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>171.604.191.545</b>	<b>163.996.624.417</b>

### 19. Tình hình góp vốn điều lệ

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	39.752.166.538	7.577.683.463	(9.411.445.018)	105.414.107	38.023.819.090
Tăng trong năm trước	5.261.907.769	1.738.092.231		-	7.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	16.853.536	16.853.536
Giảm trong năm trước	(45.000.000)		-		(45.000.000)
Tăng khác		-	4.340.221.935		4.340.221.935
Lỗ trong năm trước				(39.337.805.907)	(39.337.805.907)
Giảm khác			5.071.223.083	(889.940.207)	(5.961.163.290)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>44.969.074.307</b>	<b>9.315.775.694</b>	<b>-</b>	<b>(40.105.478.471)</b>	<b>14.179.371.534</b>
Số dư đầu năm nay	44.969.074.307	9.315.775.694	-	(40.105.478.471)	14.179.371.530
Tăng trong năm nay				-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-
Tăng khác				538.215.807	538.215.807
Giảm trong năm nay	(5.547.620.000)				(5.547.620.000)
Lỗ năm nay				(17.934.367.473)	(17.934.367.473)
Giảm khác				-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>39.421.454.307</b>	<b>9.315.775.694</b>	<b>-</b>	<b>(57.501.630.137)</b>	<b>(8.764.400.136)</b>

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
<b>b. Chi tiết thành viên góp vốn</b>		
Vốn đầu tư của Nhà nước	29.743.160.000	29.743.160.000
Vốn góp cổ đông khác	9.678.294.307	15.225.914.307
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.421.454.307</b>	<b>44.969.074.307</b>

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
<b>c. Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.732.985	4.732.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.732.985	4.732.985
- Cổ phiếu phổ thông	4.083.840	4.083.840
- Cổ phiếu ưu đãi	649.145	649.145
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ 1 cổ phiếu

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

#### 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>38.899.763.993</b>	<b>70.340.613.624</b>
Doanh thu hợp đồng xây dựng, sửa chữa	38.899.763.993	70.340.613.624

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Giảm giá hàng bán	60.629.318	-
-------------------	------------	---

#### 3. Doanh thu thuần

<b>60.629.318</b>	<b>-</b>
<b>38.839.134.675</b>	<b>70.340.613.624</b>

#### 4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây dựng, sửa chữa	41.555.804.082	89.280.551.921
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.555.804.082</b>	<b>89.280.551.921</b>

#### 5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	350.577.453	264.028.271
<b>Tổng cộng</b>	<b>350.577.453</b>	<b>264.028.271</b>

#### 6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.924.807.212	6.373.935.057
Chi phí tài chính khác	14.016.096	32.883.324
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.938.823.308</b>	<b>6.406.818.381</b>

#### 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ tiền bán phế liệu	158.980.526	203.893.727
Thanh lý TSCĐ	6.923.330.000	350.000.000
Xử lý công nợ	526.000.000	
Thu nhập khác	323.492.112	33.939.343
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.931.802.638</b>	<b>587.833.070</b>

#### 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt nộp chậm BHXH, BHYT, BHTN	63.533.521	-
Thanh lý TSCĐ	7.860.359.436	132.107.294
Xuất vật tư phục vụ khối sản xuất		85.206.000
Xóa công nợ phải thu công ty Bình Đông	-	95.238.095
Xóa công nợ của DNTN Lý Hiệp Thành	597.248.750	
Tiền lãi phải trả Gentraco	96.216.629	68.038.801
Điều chỉnh chi phí SX KDDD các năm trước		2.913.481.512
Chi khác	165.410.469	72.545.018
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.782.768.805</b>	<b>3.366.616.720</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.934.367.474)	(39.337.805.907)
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(17.934.367.474)</b>	<b>(39.337.805.907)</b>

### 10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.755.698.220	45.086.587.831
Chi phí nhân công	7.272.181.163	13.235.444.419
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.786.026.624	9.082.119.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.640.144.088	21.668.482.782
Chi phí bằng tiền khác	101.753.986	207.917.760
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.555.804.081</b>	<b>89.280.551.921</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan chủ yếu là các giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt nam và các đơn vị thành viên trong cùng Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Do chưa đối chiếu, xác nhận đầy đủ số dư phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 nên các số liệu này chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 2. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản ( % )		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	59,25%	59,10%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	40,75%	40,90%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn ( % )		
- nợ phải trả / Tổng Nguồn vốn	102,79%	95,43%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng Nguồn vốn	-2,79%	4,57%
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành ( lần )	0,97	1,05
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn ( lần )	0,85	0,97
2.3 Khả năng thanh toán nhanh ( lần )	-	0,01

### 3. Tỷ suất sinh lời

3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần ( % )	
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản

3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu

### **3. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục. Đến thời điểm ngày 31/12/2011 số lỗ lũy kế của Công ty đã lên tới : 57.501.630.137 đồng, vượt quá số vốn thực góp : 8.764.400.136 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty là tùy thuộc vào quá trình tái cơ cấu của Tập đoàn Vinashin có diễn biến thuận lợi hay không, do hầu hết các nguồn vốn đầu tư và doanh thu của Công ty đều tập trung vào sự phân bổ tài chính từ Tập đoàn Vinashin.

### **4. Những thông tin khác**

#### **Thông tin so sánh**

Số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo năm nay.

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2012

---

**VÕ THÀNH THO**  
Kế toán trưởng

---

**KS. MẠC VĂN CƯỜNG**  
Tổng giám đốc

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VÀ VẬN TẢI CẦN THƠ - VĂN PHÒNG**

26 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã Số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>202.406.597.835</b>	<b>184.900.558.008</b>
<b>I. Tiền &amp; các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>651.529.081</b>	<b>1.014.514.981</b>
1. Tiền	111		651.529.081	1.014.514.981
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>100.000.000</b>	<b>1.668.400.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		100.000.000	1.668.400.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>191.369.876.319</b>	<b>172.641.327.456</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		10.340.736.338	15.162.933.250
2. Trả trước cho người bán	132		331.622.094	853.837.074
3. Phải thu nội bộ	133		74.007.544.226	55.406.612.768
5. Các khoản phải thu khác	135		106.689.973.661	101.217.944.364
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.466.444.963</b>	<b>7.677.978.835</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.466.444.963	7.677.978.835
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.818.747.472</b>	<b>1.898.336.736</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		323.978.058	71.100.959
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.577.103	46.327.268
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		46.972.801	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.440.219.510	1.780.908.509
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>92.038.441.132</b>	<b>109.393.453.143</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>90.518.509.591</b>	<b>89.241.813.084</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		77.384.471.280	76.817.722.565
- Nguyên giá	222		117.717.221.974	113.521.328.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(40.332.750.694)	(36.703.606.086)
3. Tài sản cố định vô hình	227		13.134.038.311	12.424.090.519
- Nguyên giá	228		14.198.960.000	14.198.960.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.064.921.689)	(1.774.869.481)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>100.000.000</b>	<b>18.650.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	17.250.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		100.000.000	1.400.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.419.931.541</b>	<b>1.501.640.059</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.419.931.541	1.501.640.059
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>294.445.038.967</b>	<b>294.294.011.151</b>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VÀ VẬN TẢI CẦN THƠ - VĂN PHÒNG**

26 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>312.158.957.730</b>	<b>281.656.771.069</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>139.984.766.185</b>	<b>118.371.132.428</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		44.078.944.000	47.346.500.000
2. Phải trả cho người bán	312		8.784.754.493	12.753.356.024
3. Người mua trả tiền trước	313		8.422.103.657	10.494.119.424
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		7.022.805.924	3.767.005.294
5. Phải trả công nhân viên	315		3.824.180.126	1.937.669.555
7. Phải trả nội bộ	317			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319		67.851.977.985	42.072.482.131
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>172.174.191.545</b>	<b>163.285.638.641</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		570.000.000	713.500.548
4. Vay và nợ dài hạn	334		171.604.191.545	161.979.624.417
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			592.513.676
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(17.713.918.763)</b>	<b>12.637.240.082</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(17.713.918.763)</b>	<b>12.637.240.082</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		39.421.454.307	44.969.074.307
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(57.572.074.436)	(32.768.535.591)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		436.701.366	436.701.366
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>294.445.038.967</b>	<b>294.294.011.151</b>
			-	-
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT</b>	<b>MA SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
4. Nợ khó đòi đã xử lý			1.386.597.998,00	1.386.597.998,00

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.*

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VÀ VẬN TẢI CẦN THƠ - VĂN PHÒNG**

26 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>33.529.599.174</b>	<b>62.210.192.870</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		60.629.318	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>33.468.969.856</b>	<b>62.210.192.870</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		36.030.821.971	81.733.831.013
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>(2.561.852.115)</b>	<b>(19.523.638.143)</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>		349.545.073	259.518.422
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>		7.079.496.901	5.535.815.087
Trong đó: <i>Chi phí lãi vay</i>			7.072.076.195	
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	<b>24</b>		19.625.000	30.800.000
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>		5.551.910.154	7.262.038.622
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))</b>	<b>30</b>		<b>(14.863.339.097)</b>	<b>(32.092.773.430)</b>
11. Thu nhập khác	31		7.893.822.919	586.923.980
12. Chi phí khác	32		8.730.650.969	429.356.258
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(836.828.050)</b>	<b>157.567.722</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(15.700.167.147)</b>	<b>(31.935.205.708)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(15.700.167.147)</b>	<b>(31.935.205.708)</b>

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VÀ VẬN TẢI CẦN THƠ - VĂN PHÒNG**

26 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****( Theo phương pháp trực tiếp)****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	44.079.806.574	75.581.732.048
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch	02	(12.425.747.123)	(39.067.158.828)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.063.428.265)	(10.940.120.666)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.890.556.625)	(5.740.323.115)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(62.780.419)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.209.765.041	4.390.646.339
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22.177.936.768)	(23.899.443.898)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>	<b>5.731.902.834</b>	<b>262.551.461</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(36.206.000)	(37.366.980)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài	22	375.955.126	82.390.910
sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(242.000.000)	(1.168.400.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.768.140	18.711.889
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>112.517.266</b>	<b>(1.104.664.181)</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	44.203.494.000	75.963.007.054
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.410.900.000)	(75.984.115.655)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.207.406.000)</b>	<b>(21.108.601)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(362.985.900)</b>	<b>(863.221.321)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.014.514.981</b>	<b>1.877.736.302</b>
<b>Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>651.529.081</b>	<b>1.014.514.981</b>

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

0

0

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã Số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.935.952.115</b>	<b>8.159.379.823</b>
<b>I. Tiền &amp; các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>14.902.386</b>	<b>22.365.017</b>
1. Tiền	111		14.902.386	22.365.017
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>7.476.570.540</b>	<b>7.693.776.029</b>
2. Trả trước cho người bán	132		5.749.766.046	5.749.766.046
3. Phải thu nội bộ	133		1.606.608.549	1.606.608.549
5. Các khoản phải thu khác	135		120.195.945	337.401.434
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>406.531.466</b>	<b>406.531.466</b>
1. Hàng tồn kho	141		406.531.466	406.531.466
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.947.723</b>	<b>36.707.311</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.947.723	36.707.311
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>94.874.742.996</b>	<b>76.171.319.859</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>94.874.742.996</b>	<b>76.171.319.859</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		557.438.169	680.905.567
- Nguyên giá	222		1.315.519.849	1.315.519.849
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(758.081.680)	(634.614.282)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		94.317.304.827	75.490.414.292
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>102.810.695.111</b>	<b>84.330.699.682</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>93.303.738.315</b>	<b>74.700.566.003</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>93.303.738.315</b>	<b>74.700.566.003</b>
2. Phải trả cho người bán	312		16.550.449.661	16.550.449.661
7. Phải trả nội bộ	317		75.971.976.093	57.371.044.636
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319		781.312.561	779.071.706
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>9.506.956.796</b>	<b>9.630.133.678</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>8.949.518.627</b>	<b>8.949.228.112</b>
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		70.444.299	70.153.784
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		8.879.074.328	8.879.074.328
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>557.438.169</b>	<b>680.905.566</b>
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		557.438.169	680.905.566
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>102.810.695.111</b>	<b>84.330.699.681</b>

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc